

# TÔI ĐI HÀNH HƯƠNG ĐẤT PHẬT

**15/12/2010 – 01/01/2011**

Tôi quyết định đi theo đoàn hành hương do chùa Vạn Hạnh ở Nantes tổ chức từ cuối tháng 9, 2010. Làm các thủ tục vé máy bay, passport và visas xong xuôi từ cuối tháng mười. (Các bạn nên nhớ rằng passport của bạn phải còn có giá trị tối thiểu 3 tháng sau ngày rời Ấn Độ trở về. Nếu bạn rời Ấn Độ ngày 01/01/2011, thì passport của bạn phải còn giá trị tối thiểu là đến 01/04/2011. Visas vào ra Ấn Độ, phải là “Double entries”). Xong xuôi tất cả, tôi phui tay tự nhủ, bây giờ thì chỉ còn chờ ngày đi mà thôi, và tôi vui thú thở ra nhẹ nhõm trong người.

Không ngờ 2 tuần lễ trước ngày đi, tôi bỗng nhiên phát bệnh đủ thứ, mà không phải là bệnh tầm thường. Hủy bỏ chuyến đi hành hương chẳng ? Không, không thể được ! Tôi đã hứa với một bà bạn sẽ cùng đi hành hương với bà ta, vả lại, cũng đã hứa với Thầy trên chùa Vạn Hạnh rồi, không thể nay nói đi, mai nói bỏ, lòi thối như vậy. Tôi quyết định đi sau khi hỏi ý kiến các bác sĩ của tôi. Họ đã cho phép tôi đi với đủ điều cần dặn kẻ !!!

**15/12/2010** : Ngày ra đi đã đến (*quá nhanh đối với tôi lúc đó !*). Người em họ của bà bạn tôi đưa chúng tôi đến phi trường Bordeaux lúc 3 giờ sáng. Chúng tôi bay từ Bordeaux sang Amsterdam. Ở đây chúng tôi gặp được nhóm của Chùa Vạn Hạnh từ Nantes ở Pháp sang, một nhóm Phật tử khác từ Đan Mạch (Danemark), và một bà Phật tử đơn độc từ bên Đức đến. Chúng tôi cùng lấy máy bay đi New Delhi, và đến New Delhi lúc 1 giờ sáng ngày 16/12/2010. Ở đây chúng tôi gặp thêm hai nhóm nữa đang chờ chúng tôi tại phi trường, một nhóm từ Việt-Nam sang, và một nhóm từ Úc Châu sang. Một sư cô người Việt, Sư cô Tuệ Đàm Hương, đã từng du học ở Ấn Độ, từng làm Phật sự xây dựng chùa Viên Giác ở Ấn Độ, và hiện đang ở tại đây, đón chúng tôi đưa về khách sạn ở New Delhi để tạm nghỉ đêm tại đó. Trong nhóm đệ tử của chùa Nantes có 4 bà người Pháp và có một bà đệ tử, cũng của chùa Nantes, sành các danh từ Phật học, làm thông dịch viên cho mấy bà Pháp này.

**16/12/2010**: Chúng tôi lấy máy bay đi Varanasi. Ngoại trừ quãng đường này là chúng tôi đi bằng máy bay, sau này tất cả các di chuyển khác đều được thực hiện bằng xe ca. Cuộc hành hương của chúng tôi kể từ ngày này trở đi, mọi chuyện đều do Sư Cô Tuệ Đàm Hương sắp xếp, tổ chức, lo về khách sạn, nơi ăn uống, và một chiếc xe ca trên 40 chỗ ngồi cho toàn cả đoàn chúng tôi. Ba mươi lăm người tất cả, gồm có Thượng-Tọa Thích Thiện Huệ từ Việt-Nam sang, Thượng-Tọa Thích Nguyên Lộc, Trụ trì của chùa Vạn Hạnh ở Nantes, Thượng-Tọa Thích Nguyên Hùng, Sư Cô Tâm-Nghĩa ở chùa Nantes, Sư Cô Tuệ Đàm Hương, và tất cả chúng tôi, người thế gian trần tục, từ bốn phương trời góp mặt. Tôi là người lớn tuổi nhất trong nhóm nên được nhường cho ưu tiên. Trên xe ca được ngồi phía trước ít xóc, vì đường rất xấu, xóc kinh khủng !

Sư Cô Tuệ Đàm Hương tổ chức hết sức chu đáo, vì đã có nhiều kinh nghiệm. Chúng tôi được phát mỗi người một chiếc nón vải giống nhau để dễ nhìn ra nhau, khỏi bị lạc. Trên xe ca, thì chúng tôi được yêu cầu ai ngồi ở đâu, thì luôn luôn ngồi ở đó trong suốt



*Phi trường New Delhi có trang trí bàn tay Phật*

cuộc hành hương, và phải để ý người bên cạnh của mình, có mặt hay còn thiếu ở trên xe, mỗi khi lên xe để rời đi nơi khác.

Trên xe ca của chúng tôi có một ông hướng dẫn viên, một tài xế và một lơ xe người Ấn. Ông hướng dẫn viên này cũng hiểu biết khá nhiều về lịch sử các thánh tích. Mỗi lần lên xe để đi nơi khác ông ta “đếm” đầu chúng tôi một cách hết sức có trách nhiệm ! Những người này họ làm việc cho chúng tôi gần như mỗi ngày 12-14 tiếng đồng hồ ! Lịch trình viếng thăm các thánh tích được sắp xếp theo sự thuận tiện của con đường đi, chứ không dựa theo thứ tự các sự việc đã xảy ra trong lịch sử. Bốn nơi chính yếu, gọi là tứ động tâm, của cuộc hành hương là: nơi đức Phật Thích Ca sinh, nơi Phật thành đạo, nơi Phật chuyển Pháp Luân (giảng pháp lần đầu tiên), và nơi Phật nhập Niết Bàn. Tại mỗi thánh tích Thượng-Tọa Thích Nguyên Hùng giảng cho chúng tôi nghe những gì đã xảy ra ở đó, theo trong kinh, và những mẩu chuyện con con, vui cười... Sau đây tôi xin ghi lại những gì tôi đã nghe và ghi chép lại được giữa những cơn ho rũ rượi của tôi. Vì bên đó mùa này cũng lạnh lắm. Sau hai ngày ai cũng đổ xuống bệnh hết, không sót một ai !!! (Ai cũng tưởng rằng bên đó trời nắng ấm nên không đem theo đủ áo lạnh !) Ở Varanasi chúng tôi nghỉ lại hai đêm 16 và 17/12/2010 tại khách sạn. Chúng tôi đi thăm viếng đạo tràng Chuyển Pháp Luân, vườn Lộc Uyển và viện bảo tàng.

### **17/12/2010 : Vườn Lộc Uyển (vườn nai) ở Sarnath**

Tại vườn lộc uyển này Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đã giảng Pháp lần đầu tiên, và là giảng cho năm anh em Kiều Trần Như (Kondanna). Năm người này trước đây là bạn cùng tu khổ hạnh với Đức Thế Tôn, họ đã hết sức khâm phục Đức Thế Tôn ở ý chí tu khổ hạnh của Ngài. Ở đây bản kinh Chuyển Pháp Luân giảng về “Tứ Diệu Đế” được dịch ra nhiều thứ tiếng và khắc trên bảng đá. Tôi đã vô cùng xúc động thấy có bản dịch tiếng Việt góp mặt ở đây. Năm anh em Kiều Trần Như là năm đệ tử đầu tiên của Đức Thế Tôn. Chúng tôi viếng thăm đạo tràng xưa hơn 2000 năm, nay chỉ còn là một phế tích, với ngọn tháp

Dhamek cao hơn 30 thước uy nghi dũng liệt, và vườn Lộc Uyển. Có các trẻ em bán thức ăn (trái cây dại) cho nai ăn. Và khách hành hương được vui thú cho nai ăn, vuốt ve đầu mấy con nai có đôi mắt hiền lành. Bỗng nhiên tôi nghe đau nhói trong tim, đôi mắt của chúng sao mà có một nét buồn vô tả ! (Tôi nhìn lại, vườn nai có hàng rào sắt kiên cố !)

Tối ăn cơm xong chúng tôi được nghe Thầy Thích Nguyên Hùng giảng:

### “Tứ diệu đế” là gì ?

Thầy Thích Nguyên Hùng giải thích cho chúng tôi nghe, đó là bốn sự thật bất di bất dịch: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

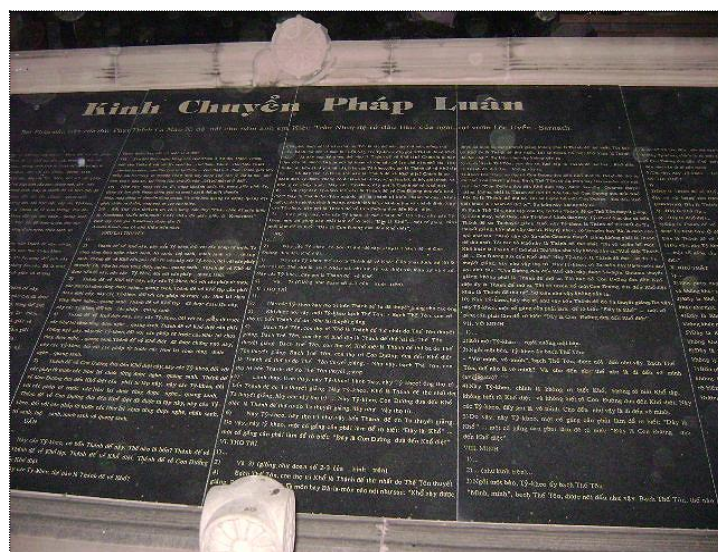
i/ **Khổ đế** : là thực trạng đau khổ của con người. Đời sống là khổ đau. Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Không ai có thể tránh khỏi các khổ đau ấy. Khổ đau gắn liền với đời sống con người dưới mọi hình thức. Phải sống với người mình ghét là khổ, phải xa người mình yêu là khổ. Yêu mà không được yêu là khổ, thù hận là khổ, không có được cái mình muốn là khổ...

ii/ **Tập đế** : là nguồn gốc hay nguyên nhân dẫn đến thực trạng khổ đau của con người.

iii/ **Diệt đế** : là sự chấm dứt khổ đau.

iv/ **Đạo đế** : là con đường hay phương pháp tu học dẫn đến chấm dứt khổ đau, là phương thuốc thần diệu giúp tận diệt mọi khổ đau về thể xác lẫn tâm hồn, là con đường sáng lạng dẫn đến Niết Bàn.

Nói xa xôi một cách khác, tứ-diệu-đế thường được so sánh với công việc của một bác sĩ chữa cho bệnh nhân. Đầu tiên hết là nhận xét tình trạng và các triệu chứng của bệnh, tìm hiểu các nguyên nhân gây ra bệnh, tìm ra phương cách để chấm dứt bệnh, và ghi toa thuốc, đường lối phải theo để chấm dứt bệnh.



*Kinh Chuyển Pháp Luân tiếng Việt khắc trên bảng đá  
Vì sao Đức Phật chọn mảnh đất này để thị hiện ?*



\* Xã hội Ấn Độ là một xã hội bất bình đẳng nhất qua sự phân chia nhiều giai cấp. Có bốn giai cấp chính gọi là “castes”, có thứ tự quan trọng khác nhau, cha truyền con nối và một giai cấp thứ 5 ngoại hạng “hors-caste”, những người thuộc giai cấp này gọi là “intouchables”, không chung đụng được vì bị xem là ô uế, không trong sạch ! Giai cấp này bị khinh miệt nhất trong xã hội Ấn. Đức Phật là nhà cách mạng giai cấp đầu tiên trong lịch sử loài người, tôn trọng quyền bình đẳng. Ngài nói: “Không có giai cấp khi ai ai cũng có nước mắt cùng mặn, có máu cùng đỏ”.

\* Ấn độ là xứ có nhiều tôn giáo nhất, hơn 90 tôn giáo khác nhau, nhưng không một tôn giáo nào giải quyết được vấn đề căn bản của kiếp người, đó là làm sao tận diệt khổ đau. Đức Phật ra đời để chỉ giáo cho chúng sinh vấn đề này.

\* Đất nước này có nền văn minh xưa nhất của nhân loại: Đạo Phật là tinh hoa tuyệt đỉnh của nền văn minh nhân loại đó, là thông điệp từ bi và trí tuệ, là con đường đưa đến hạnh phúc tối thượng.

\* Vì đây là một xứ dân nghèo, lầm than, đầy khổ đau. Chỉ có những người có tâm lượng như chư Phật và Bồ Tát mới có thể dang tay ra để cứu vớt.



*Vườn Lộc Uyển*

**18/12/2010** : Chúng tôi đi viếng thăm **sông Hằng** (sông Gange).

Trên đường đi thăm sông Hằng, chúng tôi bị kẹt xe vì gặp các cuộc rước lễ của các giáo dân thuộc Bà La Môn giáo, đông nghẹt cả đường.

Sông Hằng đối với người Ấn Độ không những rất là quan trọng về mặt địa lý và kinh tế, mà còn mang một tính chất linh thiêng, tôn giáo nữa. Sông Hằng, dài 3090km, xuất phát từ dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, chảy băng qua Kanpur, Bénarès, và Patna ..., để ra biển trong vịnh Bengal. Người Ấn Độ, (Ấn Độ giáo, Hồi Giáo, Bà La Môn giáo, Sikhisme, Jàinisme v.v. và v.v. ...) tin tưởng rằng nước sông Hằng có thể gột sạch các tội lỗi của con người, và đưa linh hồn con người lên thẳng thiên đường. Ngoài ra ở Ấn Độ còn có đạo thờ nước. Nhưng trong kinh Phật, thì ta chỉ thấy “*Hằng-hà sa*” được nhắc đến để ám chỉ một số nhiều không thể lường ước được như những hạt cát của sông Hằng. Người Ấn Độ cũng tin tưởng rằng lửa có thể làm tiêu tan các tội lỗi của con người, nên phong tục ở đây từ xa xưa đến nay, người chết được thiêu, xong đổ tro xuống sông Hằng. (Ở Ấn Độ cũng có đạo thờ

lửa). Người giàu mua được nhiều củi thì thiêu được trọn vẹn chỉ còn tro. Người nghèo chỉ mua được dăm ba cây củi, xác đôi khi vẫn còn nguyên, và cứ y như thế được thả xuống sông !!!

Dọc bờ sông, dân trong vùng tắm và giặt rửa, phơi từng tấm sari dài trên các bậc cấp, vì thế dọc bờ sông Hằng màu sắc rất là rực rỡ. Cũng dọc bờ sông lác đác có vài bệ xi măng để thiêu và vài vựa chứa củi.

Ở đây chúng tôi thuê thuyền ra xa xa ngoài giòng sông để thả các đĩa hoa nhỏ trong đó có một ngọn nến, với ý nghĩa soi sáng, dẫn đường cho các vong hồn ở nơi đây, cùng với lời tụng kinh cầu nguyện của chúng tôi.

Tỷ số người Ấn Độ theo Phật giáo ở trong nước không quá 10%.

Chiều, chúng tôi rời Vanarasi để đi Bodh Gaya bằng xe ca. Chỉ sau vài vòng trên xe ca, chúng tôi nhận thức nhìn thấy dân Ấn Độ tại các vùng này rất nghèo khổ, nhìn các túp lều rách nát hai bên đường ... Người ăn xin rất nhiều. đàn ông, đàn bà, trẻ con, người tàn tật..., nhất là ở các nơi thánh tích có nhiều du khách hành hương, có cả hàng trăm người ăn xin !

Đường Ấn Độ, tại các vùng này, đầy cả bụi. Lá cây bên đường đều bị phủ một lớp bụi dày, dày đến nỗi mà mưa không rửa sạch được! Bò đi lang thang, đứng đình ngoài đường, xe cộ phải tránh chúng. Phân bò được người Ấn Độ (dùng tay) ép lại thành bánh, phơi trên các bãi cỏ bên vệ đường, hay dán vào tường rào để phơi, khi khô họ dùng để đun bếp (*lúc đầu tôi nghĩ rằng đó là một lối “trang trí” đặc biệt cho các bức tường trơn trổng!*).

Rau cải thấy bày bán ở các chợ có đủ các loại rau như ở Việt-Nam ta, rau rất xanh tươi, chắc chắn là rất ‘bio’, được trồng bằng phân heo, phân bò (và có lẽ cả với phân người nữa !!!) Chúng tôi được khuyên chỉ nên dùng nước trong chai để uống, không nên uống nước từ vòi nước, cho dầu chỉ để đánh răng súc miệng. Tôi tự hỏi “*rau sống ăn ở chùa có được rửa bằng nước trong chai không ?*” Đêm đầu tiên đến chùa Viên Giác, tất cả chúng tôi vì đi đường xa đói quá, đều đổ vò xuống ăn bát bún riêu của chùa, thật là ngon, ‘*ngon kinh khủng*’, sau mấy ngày ăn các món đồ ăn chay cà ri Ấn Độ tại các khách sạn, chán ơi là chán, không hợp khẩu vị chút nào. Hôm ấy được tô bún riêu, với rau sống tươi xanh, trông thật sạch sẽ, thật hấp dẫn. Ngày hôm sau tất cả chúng tôi đều “đau bụng” ! Tôi nghĩ thầm “*cần phải rửa rau bằng thuốc tím (permanganate de potassium) !*”.

Chúng tôi đến Bodh Gaya vào khoảng 19 giờ, trời đã tối. Chúng tôi ngụ tại Chùa Viên Giác, cách Bồ Đề Đạo Tràng chưa đầy 10 phút đi bộ. Chúng tôi ở lại đây lâu nhất trong cuộc hành hương. Chùa có nhiều phòng cho khách thập phương, khá tiện nghi, có phòng ăn lớn, và có chánh điện rộng để tối tối chúng tôi lên đọc kinh và nghe Thầy giảng Pháp.

### **19/12/2010 : Bồ Đề Đạo Tràng ở Bodh Gaya**

Mỗi ngày, 5 giờ sáng chúng tôi đi bộ đến Bồ Đề Đạo Tràng đọc kinh bên gốc cây bồ đề nơi Phật thành đạo. Có tường đá xây cao rào quanh gốc cây bồ đề. Chúng tôi mỗi người đều có được phát cho một cây đèn “pin” bấm.

Thật ra cây bồ đề nguyên thủy nơi Phật ngồi thiền định, qua bao nhiêu cuộc nội chiến tôn giáo, người ngoại đạo thấy dân đến sùng bái bên gốc cây bồ đề nên đã nhiều lần chặt phá gốc bồ đề này. Nhưng sau mỗi lần đều được trồng lại từ một nhánh của gốc bồ đề ở Tích Lan (Sri Lanka). Theo các nhà khảo cổ, cây bồ đề hiện tại được trồng lại cách nay

khoảng gần 120 năm. Cạnh gốc bồ đề, có một tháp được xây lên cao trên 60m, vào thế kỷ thứ III trước tây lịch do vua A Dục Ashoka xây. Vì thế gốc bồ đề này bị tháp che ánh nắng nên mọc nghiêng ra ngoài. Tháp này qua bao nhiêu thế kỷ đã được tu sửa lại nhiều lần. Mặt đáy của tháp là một hình vuông trên 35m mỗi cạnh. Đó là trung tâm của đạo tràng. Đạo tràng nằm trong một thung lũng, ở ngoài bước vào đạo tràng phải đi xuống rất nhiều dãy cấp. Chung quanh tháp có lối đi rộng lát đá cẩm thạch (marbre). Người sùng đạo và khách hành hương từ tứ phương trời đến đây lễ bái và đi kinh hành rất đông, vì thế chúng tôi mỗi ngày ra đây từ lúc 5g sáng để có thể kiếm được một chỗ ngồi cho toàn cả đoàn 35 người. Có rất nhiều đoàn hành hương khác, Thái, Nhật, Trung Hoa, Tây-Tạng ... và cả Việt-Nam nữa.

Chúng tôi đến đây nhằm lúc có ngài Karmapa-Lama đến viếng đạo tràng. Ngài Karmapa-Lama này là hóa thân lần thứ 17 của một vị Karmapa-Lama trong thời xa xưa, vì thế đạo tràng rất đông. Các sư Tây-Tạng áo đỏ và áo vàng đến đây đông nghẹt cả các tầng sân cỏ chung quanh đạo tràng. Ở đây lúc nào cũng có treo đèn kết hoa (hay là vì đặc biệt có ngài Karmapa-Lama đến thăm ?), và là hoa thật, phần nhiều là hoa vạn thọ vàng xâu thành chuỗi. Các tượng Phật trong chánh điện cũng như các tượng nhỏ ở ngoài, cả hàng trăm tượng trên thành tháp, đều có vòng hoa choàng qua cổ. Nơi nơi đều có thấy vàng lá (feuilles d'or) dán lên bất cứ nơi nào tay người với thấu.



*Tháp ở Bồ Đề Đạo Tràng tại Bodh Gaya*

Ở chánh điện của Đạo Tràng có tượng Phật ngồi lớn. Khách thập phương đến đây đánh lễ rất đông, suốt ngày không lúc nào ngơi. Có nhiều người đem từng xấp lụa vàng đến dâng Phật, và vị sư trông nom ở nơi đây, mỗi khi có người đem lụa đến như vậy thì thay y cho Phật. Mỗi ngày như vậy họ thay y cho Phật không biết là bao nhiêu lần ! Tôi sức nhớ đến mẩu chuyện con con Thầy kể trong đó nhũ mẫu của Phật may y cho Phật, bằng gấm



vàng, nhưng Phật từ chối không nhận, nói rằng Phật đã có ba cái, đủ rồi, không cần thiết. Theo quy luật trong tăng đoàn do chính Phật đề ra, mỗi người chỉ được phép có ba y và một bình bát.



*Vài chi tiết trên thành tháp Bồ Đề Đạo Tràng*

Sau khi rời bỏ cung điện, và trên đường lang thang đi tìm chân lý, thái tử **Tất-Đạt-Đa (Siddharta)** thuộc dòng **Shakya** đã gặp một nhóm người tu khổ hạnh, nhóm anh em Kiều Trần Như. Ngài đi theo các người này. Sau sáu năm tu khổ hạnh hết sức nghiêm túc, thân thể của ngài chỉ còn da bọc xương. Một hôm nọ thái tử đi ra sông để tắm, thái tử đã ngất xỉu và được cô thôn nữ Sujata đi ngang qua đó cúng dường một tô sữa. Thái tử nhờ thế đã tỉnh lại, và sau đó hiểu rằng con đường tu khổ hạnh không thể đưa đến chân lý. Thái tử vất cái tô đất xuống sông và tự nhủ : *“Nếu ta không tìm ra chánh pháp, thì tô đất này sẽ theo dòng sông trôi ra biển”*, nhưng tô đất đã trôi ngược dòng sông để hướng lên nguồn. (Con sông này Ni Liên Thuyền, Niranjana, nay đã khô cạn, chỉ còn là một dải cát). Sau đó thái tử rời bỏ nơi tu khổ hạnh và tìm đến một khu rừng già, có nhiều cây to bóng mát, và chọn ngồi dưới một gốc cây thuộc loại cây sung, và tự nhủ: *“Ta sẽ ngồi đây và quyết không rời nơi này cho đến khi ta tìm ra được chánh pháp. Nếu không ta sẽ chết ở nơi đây”*. Trong khi thái tử ngồi thiền định ở dưới gốc cây sung, có một chú mục đồng gánh củi đi ngang qua đó, thấy thái tử ngồi trên đất đầy sỏi đá, đã dâng lên thái tử gánh củi của mình vừa mới cắt xong, để làm nệm cho thái tử ngồi. Nệm củi đó sau này hóa thành *“kim-cang tọa”*. Tại đây các chim, sóc, và các con thú trong rừng đã hái trái cây dâng lên cho thái tử.

Sau 49 ngày ngồi thiền định ở đây, thái tử đã “Giác Ngộ” và đắc đạo thành Phật, là **Phật Thích Ca Mâu Ni** (Siddharta Shakyamuni).

**Đức Thế Tôn lúc đó 35 tuổi.**

Cây sung sau đó được đặt tên là cây bồ đề (*Bồ đề = Bodhi = Giác ngộ*) và trở thành biểu tượng thiêng liêng cho sự giảng dạy của Đức Phật. Năm 288 trước Tây lịch, một nhánh của cây bồ đề nguyên thủy này đã tự nhiên gãy và được con gái của vua A Dục đem về Tích Lan (Sri Lanka). Vua Tích Lan đã trồng lại nhánh này với lễ nghi long trọng. Và như vậy, cây bồ đề ở Tích Lan này là cây được người trồng lâu đời nhất trên thế gian, và cây bồ đề hiện tại ở Bồ Đề Đạo Tràng là *“hậu duệ”* của cây bồ đề nguyên thủy nơi Đức Phật ngồi thiền định.

**20/12/2010** : Trong thời gian chúng tôi ở tại Bodh Gaya, chúng tôi có đi thăm viếng rất nhiều chùa ở các vùng lân cận, chùa Cao-Miên, Tây Tạng, Thái, Nhật, Việt-Nam, Trung-Hoa v.v.... Chùa Việt-Nam ở đây rất nhiều.

Các chùa Việt-Nam ở bên đây đều rất to lớn, đồ sộ ! Có một ngôi chùa có tầng cấp đi thẳng từ sân lên chánh điện gần đến trăm bậc, lát đá cẩm thạch, hai bên có hai con rồng lớn, chạy dài uy nghi, lẫm liệt. Trong chùa mọi nơi đều lát đá cẩm thạch. Chúng tôi đến nơi đây trời đã nhá nhem tối. Vườn của chùa rất rộng, nơi đây có tượng đá lớn hai con hạt trắng, nơi nọ có tượng con voi lớn, này kia có ghế đá để ngồi trầm tư thưởng cảnh dưới bóng cây, nọ có chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua con rạch, kia có khóm trúc bên hồ sen v.v. và v.v. chắc ban ngày phải là cực kỳ lộng lẫy ! Chùa xây cất chưa xong và có vẻ như bỏ dở, có lẽ Thầy trụ trì đang chờ đợi các Phật tử đóng góp thêm tiền !!!

Chúng tôi có đi thăm một ngôi chùa. Chùa có một trạm y-tế để săn sóc cho dân trong vùng. Trên tường có các tranh vẽ: “Phải cắt móng tay cho sạch, phải rửa tay trước khi ăn, phải đánh răng súc miệng, phải tắm rửa thường xuyên ... v.v...”. Chỉ như thế cho ta biết ý niệm về vệ sinh của dân chúng nơi đây rất là thấp kém !!! Trạm y tế chỉ có lá cây (thảo dược ?) !!!



*Một môn học vệ sinh*

Tại chùa Nhật có bức tượng Phật ngồi trên tòa sen, bằng đá cẩm thạch trắng, đá tảng, người ta bảo là cao nhất thế giới. Dưới sân, quanh bệ của Phật có các bức tượng của 10 ngài đệ tử lớn.

**Ananda** : A-Nan, em họ của Đức Phật. Là thị giả của Phật. Từ hồi còn nhỏ, ngài A-Nan đã hết sức khâm phục tài năng và trí tuệ của người anh họ là Siddharta này rồi. Ngài A-Nan có một trí nhớ phi thường về những lời Phật dạy, và đã viết lại tất cả các kinh, thường nhập đề với câu : “Như thị ngã văn ...” (*Tôi nghe như thế này...*)

**Sariputa** : Xá Lợi Phất, là người anh cả trong các đệ tử của Phật. Khả năng trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất là bậc nhất.

**Punna** : Mạc Tử Tử, ngài có con mắt đầy lòng từ bi, rất giỏi về việc bốc thuốc trị bệnh. Ngài thuyết pháp rất hay.



**Mahakaccana** : Ma Ha Ca Chiên Diên, có khả năng thuyết pháp và biện luận bậc nhất. Ngài được Đức Thế Tôn khen ngợi là người có khả năng giải đáp mọi câu hỏi.



*Tượng Phật ngồi ở chùa Nhật*

**Rahula** : La Hầu La, con của Phật. Sau khi Đức Thế Tôn đã có 1250 đệ tử rồi, Ngài mới trở về quê nhà. Từ trên cửa sổ của lầu đài, công chúa Da-Du-Dà-La (Yasodhara), mẹ của La Hầu La, bảo La Hầu La rằng: “Người đi đầu của đoàn người đang tiến vào sân vua là cha của con đó. Con hãy ra đón cha con và đòi gia tài của con đi”. La Hầu La chạy ra và Đức Thế Tôn cho phép La Hầu La cạo đầu đi theo Đức Thế Tôn. La Hầu La là người đệ tử nhỏ nhất khi mới nhập vào tăng đoàn, 9 tuổi. Ngài La hầu La có “mật hạnh” bậc nhất.

**Subhuti**: Tu bồ đề giải không đệ nhất (non-substantialité).

Tất cả mọi vật, mọi sự việc đều trống rỗng và không có thực chất tồn tại mà dựa vào rất nhiều ảnh hưởng khác để hiện thực. Tất cả mọi sự việc vật lý hay tâm linh đều vừa là nhân vừa là quả, không một sự việc nào đơn độc hiện thực mà đều có liên hệ với các sự việc cùng đang xảy ra, đã xảy ra trước đó và sẽ xảy ra sau đó, bởi vì mọi sự việc đều vừa là quả vừa là nhân. Theo giáo lý nhà Phật, tính rỗng không là thực chất của mọi sự vật, không một sự vật nào có thực chất hiện thực.

**Upali**: Ưu Bà Ly, xuất thân từ hạng cùng đinh của xã hội Ấn, là thợ hớt tóc. Lúc bấy giờ vua Tịnh Phạn ra lệnh mỗi gia đình hoàng tộc phải có một người quy y theo Đức Thế Tôn. Upali cạo tóc cho các vương tôn công tử mà cứ khóc hoài. Các Vương tôn công tử mới hỏi: “Vì sao ông cạo đầu cho chúng tôi mà lại khóc. Upali trả lời: “Vì tôi thuộc hạng cùng đinh trong xã hội, không làm sao có thể theo hầu Đức Thế Tôn cả.” Chuyện này đến tai Đức Phật, Ngài liền cho phép Upali thọ giới và đi theo chân Phật.

**Mahakassapa:** Ma Ha Ca Diếp. Là người tu khổ hạnh đệ nhất, thường đi khát thực trong các xóm nghèo khổ hạng nhất. Có lần Ngài đi khát thực trong một xóm nghèo kia, có một bà già, hết sức nghèo khó, lại bị bệnh phong cùi. Ngài đến khát thực ở nhà bà ta. Bà ta nói, “Kính lạy ngài, tôi nghèo quá và không có gì để hiến dâng Ngài cả”. Ngài Ca Diếp, chỉ chén sữa đã lung để ở trên bàn. Bà ta hết sức sợ, vì chén sữa này bà ta đã có uống rồi. Nhưng Ngài Ca Diếp vẫn cứ chỉ chén sữa, bà ta liền bung chén sữa dâng Ngài Ca Diếp, nhưng một lông tay của bà rụng, và rơi vào trong chén sữa. Ngài Ca Diếp liền uống chén sữa đó, tức thì bà ta chứng được quả phúc vô thượng, sinh lên cõi trời.

Ngài Ma Ha Ca Diếp được Đức Thế Tôn nhường cho nửa toà ngai và giao cho trọng trách giữ y bát của Đức Thế Tôn để trao lại cho đức Phật tương lai.

**Mahamoggallana :** Mục Kiền Liên, ngài có thần thông bậc nhất, đã từng lên cõi trời Hương Tích để kiểm thức ăn về dâng Đức Thế Tôn, vì lúc đó đang bị nạn đói khủng khiếp ở thế gian này. Chúng ta cũng biết nhiều về ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ qua kinh Vu-Lan Bồn.

**Anuruddha :** A Nậu Luật Đà, xuất thân từ dòng họ Thích. Nhân thiên ứng cúng (oeil divin) đệ nhất.

Trong các đệ tử của đức Thế Tôn có hai người không được phép nhập niết bàn, đó là ngài Ma ha Ca Diếp và ngài Tân Đầu Lô Phả La Đa (Pindola Bharadvaja).

Ngài Ma Ha Ca Diếp phải ở lại thế gian giữ y bát của Đức Thế Tôn để trao lại cho đức Phật tương lai. Ngài Tân Đầu Lô có thần thông rất cao. Có một người trong làng thường hay nghịch, dâng cổ cúng dường hay để trong giỏ, và treo trên ngọn cây cao.

Ngài Tân Đầu Lô lúc nào cũng dùng thần thông lên cây lấy xuống. Đức thế Tôn đã cấm không được dùng thần thông, vì sợ rằng dân chúng hiểu lầm mục đích tu học là để đạt được thần thông, vì thế khi đức Thế Tôn biết, liền đuổi ngài Tân Đầu Lô sang xứ trời khác. Một thời gian lâu sau, các đệ tử khác rất buồn và nhớ người bạn Tân Đầu Lô rất vui tánh này, mới xin đức Thế Tôn cho phép Ngài Tân Đầu Lô trở về. Đức Thế Tôn cho phép trở về, nhưng không cho phép nhập niết bàn mà phải ở lại thế gian để chứng giám cho chúng sanh cúng dường.

Ở chùa Cao-Miên, có một bức tranh vẽ một người đàn bà đang có thai, đứng trước đại chúng chỉ mặt đức Thế Tôn. Thầy Thích Nguyên Hùng giảng, với giọng một người đàn bà đánh đá: “Hắn đó, hắn là người cha của cái bào thai tôi đang mang đây”... nhưng sau đó bà ta vấp và ngã ra trước sân, trước đại chúng, cái bào thai chỉ là cái gôi bà dẫu ở trước bụng đã rớt ra ngoài ! Tất cả chúng tôi được một phen cười nứt bụng với cách kể hài hước của Thầy.

**21/12/2010 :** Thăm núi **Kê Túc** (Mont Kukkutagiri), viếng hang nơi Ngài Ma Ha Ca Diếp ẩn thân để chờ Phật Di-Lặc ra đời. Tôi không đi được, vì đường lên núi rất cheo leo, và hôm đó tôi quá sức bệnh.

Tôi hết sức tiếc đã không đi được.

Chiều đi viếng làng của cô thôn nữ Sujata và nền đất nhà cũ của chú mục đồng đã dâng cỏ Kusa cho Phật.

**22/12/2010 :** Đi thăm **Khổ Hạnh Lâm** (forêt Tapovana).

Nơi đây Đức Phật đã tu sáu năm khổ hạnh. Đường lên núi rất cao, nhưng có lát gạch dễ đi, có thể mua gậy để chống, người già yếu có thể thuê cáng. Khách hành hương rất đông, không phải chỉ có mỗi nhóm của chúng tôi mà thôi.

Tôi đã cố gắng đi lên bộ, nhưng phải nghỉ chân nhiều nơi để lấy lại sức. Các bạn trẻ trong nhóm có người đi lên núi “tam bộ nhất bái” (*ba bước thì sụp lạy một lạy*). Ở bên đường lên núi có rất nhiều khỉ. Tôi thấy nhiều khách đã mua bánh bích quy, bán bên lề đường, để vất cho khỉ ăn, trong khi đó người ăn xin ngồi hai bên đường rất đông họ không thèm để ý đến. (Tôi hết sức khó chịu ...!!!)

**23/12/2010** : Đi thăm và tặng quà các em học sinh ở trường học do Ni sư Từ-Tâm làm hiệu trưởng (tập vở, bút v.v.... và kẹo).

**24/12/2010** : Đi thăm núi **Linh Thứu** (Gijjhakūta - Vulture Peak), nơi Phật giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa và nhiều kinh đại thừa khác.



*Hang đá của Phật ở Khố Hạnh Lâm*

Thăm phế tích ngục tù của vua Tần-Bà-Sa-La Bimbisara (Vua bị con là A-Xà-Thế Ajatashatru dành ngôi, và giam vua trong ngục tối) ; và phế tích lãnh cung của hoàng hậu Vi-Đề-Hy Vaidehi, vợ của vua Tần-Bà-Sa-La, nơi đây bà đã thỉnh cầu đức Phật cho bà pháp môn tu học để đến cảnh giới an lành, thoát khỏi cảnh khổ đau của kiếp người. Nhân đó Phật giảng kinh Pháp Vô Lượng Thọ. Bà Vi-Đề-Hy đã quán thấy được hiện tiền cảnh giới tịnh độ A-Di-Đà.

Hôm nay là ngày vía Đức Phật A Di Đà (Amitabha).

Đức Phật A di Đà đã thành tựu được 48 đại nguyện để cứu độ chúng sinh. “... *Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh* ...” như trong kinh chúng ta vẫn thường đọc (*như con kết* !), trong đó đại nguyện thứ 18 là pháp môn niệm Phật. Bất luận ở hoàn cảnh nào, trình độ học vấn nào, bất luận giàu sang hay nghèo khó thế nào, cũng đều có thể niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Chỉ cần chí thành niệm 10 câu là có thể vãng sanh Tịnh Độ. Nghe danh hiệu Phật thì phát bồ đề tâm.

Tôi : Lễ quy y của 5 bạn trong nhóm hành hương, tại Bồ Đề Đạo Tràng. Đêm nay là đêm cuối cùng ở tại đây, ngày mai sẽ lên đường vĩnh viễn rời đây. Bỗng nhiên tôi cảm thấy nhói lên một niềm nuối tiếc !

**25/12/2010** : Sáng sớm, rời Chùa Viên Giác.

Trên đường đi Népal, chúng tôi ghé thăm chùa Kiêu Đàm Di, do một ni sư Việt-Nam trụ trì, và nhiều thánh tích khác.



*Một di tích nơi Phật đã nhiều lần thuyết Pháp*

### **Trường đại học Nalanda.**

Bây giờ chỉ còn là một phế tích, với các nền gạch, trên một khu đất rộng mênh mông. Đây là trường đại học đầu tiên trong lịch sử Phật giáo ở Ấn Độ và là trường đại học có nội trú đầu tiên trên toàn thế giới. Trường phát triển rất nhanh và nổi tiếng khắp vùng Châu-Á, đã lôi cuốn rất nhiều sinh viên tu sĩ từ Tây Tạng, Miến Điện, Trung Quốc, Nam Dương, Đài Loan, Nhật Bản v.v. Lúc cực thịnh trường có đến 10,000 sinh viên.

Ngài Huyền Trang mà chúng ta rất quen biết qua truyện Tây Du Ký, đã tu học ở đây, thỉnh rất nhiều kinh tiếng Phạn, Pali ... về Trung Quốc, và sau đó dịch sang tiếng Hán.

Ở tại đây, theo trong kinh, đức Phật thường trú tại “vườn xoài”.

Trong khuôn viên trường có rất nhiều khỉ. Sau lưng tôi có người nói “” Coi chừng khỉ ! Chúng giật xách tay của khách hành hương, nghĩ rằng trong đó có thức ăn, vì khách hành hương hay cho chúng nó ăn”. Khỉ ở đây rất bạo dạn. *(Tôi bất giác cười thầm, nếu mà bị khỉ nó giật xách tay thì làm sao mà rước bắt được chúng, chúng nhảy từ cây này sang cây khác từ trong tường rào ra cây ngoài đường !)* Câu chuyện này làm tôi sực nghĩ, tôi không thấy trẻ em móc túi hay cướp giật ngoài đường trong mấy ngày qua. Một điểm đáng khen. Ngoài ra còn một điểm nữa tôi để ý, người Ấn Độ sống hiền hòa với nhau, nhà này kế liền nhà khác, không có hàng rào phân chia nhà này nhà khác ... không có ý niệm “*đây là của tôi*”.





*Phế tích trường đại học Nalanda*

Thăm **Vaisali**: Thăm di tích giảng đường Trùng-Các (Amphithéâtre Kūāgarasālā), nơi có ao Di hâu do bảy khi đào cho đức Phật tắm, và trụ đá do vua A-Dục trồng (thế kỷ thứ III trước Tây lịch), để đánh dấu nơi có di tích của Phật, vẫn còn nguyên vẹn.

Sau khi vua Tịnh Phạn băng hà, Bà Maha Gautami, nữ mẫu của đức Phật, cùng với 500 tỳ nữ đến xin xuất gia theo chân đức Thế Tôn. Bà Gautami cùng các tỳ nữ đi bộ từ thành Ca Tỳ La Vệ đến Vaisali, chân của các bà rách nát, máu nhuộm đỏ đất. Nhưng có nhiều nguyên nhân làm cho Đức Phật không muốn nhận đệ tử người nữ. Tuy nhiên khi tôn giả A-nan hỏi : “Người nữ có khả năng thành Phật không ?” thì đức Thế Tôn trả lời là có, và sau đó Bà Gautami cùng đoàn tỳ nữ được xuất gia theo chân Phật.



*Trụ đá do vua A Dục trồng còn nguyên vẹn*

**26/12/2010** : Viếng thăm vườn **Lâm Tỳ Ni** (Lumbini) ở miền nam Népal, sát biên giới Ấn Độ. Đây là nơi Phật đản sanh có dấu tích ghi lại trên trụ đá của vua A-Dục và các đền, tháp truy niệm từ thế kỷ thứ III trước tây lịch cho đến thế kỷ thứ XV sau tây lịch. Đây là một trong những địa điểm hành hương quan trọng nhất của một trong những tôn giáo lớn trên thế giới.

Cách nay hơn 2500 năm, hoàng hậu Ma-Da (Mayadevi), vợ vua Tịnh Phạn Shuddhodana thuộc dòng Sakya của xứ Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu), nằm mơ một giấc mơ thật kỳ lạ trong đó một con voi trắng sáu ngà và rực sáng đi đến và tan biến vào cơ thể của bà. Hoàng hậu tỉnh dậy và cảm thấy một niềm yên vui không bờ bến, như chưa bao giờ bà cảm được như thế. Các hiền nhân được tham khảo tiên đoán rằng Hoàng hậu sẽ sinh một vĩ nhân. Khi sắp đến ngày sinh, theo tục lệ thời bấy giờ, bà trở về quê mẹ, đi cùng với một đoàn tỳ nữ. Trên đường đi bà ghé lại một vườn hoa đẹp, Lâm Tỳ Ni, để nghỉ chân. Và tại đây, náu vào một cành cây, hoàng hậu đã sinh **Thái Tử Tất Đạt Đa** (Siddharta).

**Năm đó là năm 623 trước tây lịch.**



*Lâm Tỳ Ni với trụ đá của vua A-Dục*

**27/12/2010** : Thăm “phế tích” thành **Ca Tỳ La Vệ** (*Kapilavastu*) ở gần biên giới Népal. Nơi đây thái tử Tất Đạt Đa đã sống suốt cuộc đời niên thiếu cho đến năm 29 tuổi.

Có rất nhiều chuyện kỳ diệu đã xảy ra lúc thái tử Tất Đạt Đa ra đời, do đó các hiền nhân đã tiên đoán rằng thái tử sẽ là một bậc vĩ nhân, một vị vua rất lớn. Vua Tịnh Phạn rất hài lòng nghĩ rằng con mình sẽ là một vị vua có quyền lực hơn cả chính mình nữa.

Nhưng có một hiền nhân lại nói rằng “sau này thái tử sẽ chọn một cuộc sống nghèo khổ để cứu nhân độ thế”. Vua Tịnh Phạn hết sức lo. Vua cho xây ba cung điện cực kỳ lộng lẫy phù hợp cho ba mùa : xuân, hạ, và thu-đông, đầy hoa thơm cỏ lạ, với ca nhạc đàn hát quanh năm, không thiếu một thứ gì có thể làm cho thái tử vui sống. Các tỳ nữ và người làm việc có bốn phận phải luôn luôn có một nét mặt vui tươi, và phải luôn luôn làm cho thái tử vui, để không bao giờ có ý định rời bỏ cung điện. Thái tử sống ở đây, loanh quanh trong ba cung điện này, không bao giờ bước chân ra ngoài, không bao giờ thấy dân chúng ở bên

ngoài thành, được vua cha che chở, bảo bọc không cho thái tử nhìn thấy hay biết đến những khổ đau của cuộc đời...



*Các nhà khảo cổ Nepal đã xác nhận vùng khảo cổ  
Tilaurakot này là di tích thành Ca Tỳ La Vệ ngày xưa*

Năm thái tử 29 tuổi vua cha nghĩ rằng đã đến lúc nên nhường ngôi lại cho con. Thái tử xin phép vua cho đi ra ngoài thành xem tình hình dân chúng. Vua cha cho phép vì nghĩ rằng con mình phải biết tình hình dân chúng để cai trị. Trong chuyến đi này, thái tử đã nhìn thấy các khổ đau của cuộc đời, cảnh người già, người bệnh, người chết bị thiêu trên giàn hỏa ... những khổ đau mà không ai tránh khỏi được: sinh, lão, bệnh, tử...

Thái tử quyết định rời bỏ cung điện để đi tìm Chân Lý: do đâu có khổ đau, làm sao tận diệt được khổ đau.

Thăm **Tịnh xá Kỳ viên** ở Sravasti (Xá Vệ) :

Khu vườn này do trưởng giả Cấp-Cô-Độc Anāthapindika dâng cúng cho đức Thế Tôn. Sau khi đức Thế Tôn nhận lời mời của Cấp Cô Độc, Cấp Cô Độc liền đi tìm kiếm khắp nơi, chỉ thấy nơi này là đẹp và thích hợp hơn cả nên đã năn nỉ Thái tử Kỳ-Đà Jetakumāra, con vua Ba-Tư-Nặc của thành Xá Vệ bán lại cho ông khu vườn này để chuẩn bị đón Phật cùng tăng đoàn.

Thái-Tử Kỳ Đà nói: “Ông không mua được đâu, chừng nào ông trả được vàng đầy khu vườn tôi mới bán.” Cấp Cô Độc bằng lòng và cho đem xe ngựa, xe voi, chở đầy vàng đến. Nhưng các chuyến xe đầu tiên này chưa đủ để lót hết khu vườn, còn một phần đất gần cửa chưa được lót vàng, Cấp Cô Độc liền sai gia nhân chở thêm vàng đến. Nhưng trước sự hân hoan vui mừng của Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ Đà đã hết sức xúc động, liền năn nỉ Cấp Cô Độc nhường lại cho Thái tử phần đất này, xem như là phần đóng góp của thái tử và hai người cùng nhau xây dựng trang trại để chuẩn bị đón đức Thế-Tôn cùng tăng đoàn.

Các kinh đều nhắc đến khu vườn này là Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc viên (Bosquet Jeta-Anathapindika). Đa số kinh điển đều được đức Phật giảng tại đây mà trong đó có kinh A Di Đà, như ta vẫn thường đọc: “*Như thị ngã văn, nhứt thời Phật tại Xá Vệ quốc Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc viên...*”





*Cây bồ đề ở Tịnh Xá Kỳ Viên*

Đức Thế Tôn an cư tại đây 24 mùa mưa.

Tại khu vườn này chúng ta thấy có một mô gạch xây cao, đó là vị trí mà vua các nước lớn đã đắp xây lên để đón Phật trở về sau khi Phật lên viếng các cõi trời khác.



**28/12/2010** : đi **Kushinagar** (Câu Thi Na), nơi đức Phật nhập Niết bàn, ở rừng sala.

Cây sala (santalier blanc) kiên cố, có sức chịu đựng dẻo dai qua 4 mùa, qua ngàn năm, vì thế rừng sala này còn có tên là Kiên Cố lâm. Đức Thế Tôn chọn nơi đây để nhập Niết Bàn. Khi Phật đến khu rừng sala này, thì lá các cây sala chuyển màu sang màu xám. Không hiểu vì sao ?

Ở đây người thợ rèn tên Thuần Đà (Cunda) dâng Phật tô cháo nấm. Phật biết là nấm độc, cực độc. Các đệ tử của Phật hết sức lo cho Thuần Đà. Trong cuộc đời thọ nhận cúng dường của đức Phật, có hai lần là quan trọng nhất : trước khi Phật thành đạo (nàng Sujata cúng dường sữa) và khi Phật nhập Niết Bàn (Thuần Đà). Sau khi Phật nhận tô cháo cúng dường do Thuần Đà dâng, Thuần Đà liền chứng được quả “bất thoái”.



Thuần Đà cúng dường Đức Như Lai với ý chí duy nhất được Phật thọ nhận vào hàng thánh chúng.

Ở đây chúng tôi được đánh lễ tượng đức Phật nằm. Khách thập phương đến đây chiêm bái rất đông, có người đang dán vàng lá vào gót chân Phật.

Đức Phật nhập niết bàn trong khi nằm thiên định, nằm nghiêng bên tay phải, đầu hướng về bắc, mặt hướng về tây, miệng mỉm cười.

**Lúc đó đức Phật 80 tuổi.**

Trong suốt 45 năm cuối đời của đức Phật, Ngài đã đi chu du khắp vùng hạ lưu và phụ lưu sông Hằng để giảng Pháp. Lời giảng dạy của Ngài lúc nào cũng phù hợp với trí tuệ hiểu biết của quần chúng. Khi ngài A-Nan lo lắng sẽ không còn có thầy để dẫn dắt thì Đức Phật trả lời : “Các lời giảng dạy của ta từ bấy lâu nay sẽ là thầy của các người”.

Thượng Tọa giảng : Ý nghĩa của Niết Bàn là nơi con người không còn bị xáo động nữa, không còn bị hủy diệt nữa. Bốn đức tính của Niết Bàn là: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

**Thường** : là bất biến.

**Lạc** : Đời là khổ đau. Tu không phải để cảm thọ khổ đau mà để cảm thọ lạc.

**Ngã** : Tu học để đạt đến vô ngã, nhưng kết quả cuối cùng của tu học lại vẫn là Ngã. Phải diệt cái ngã để đi đến *Chân Ngã*. Theo giáo lý nhà Phật, cái ý nghĩ “Tôi đây” (ngã) không những là hão huyền mà chính sự nghĩ rằng tất cả cái thể xác này là “Tôi” và gắng bó với cái “tôi” đó là nguyên nhân chính yếu của mọi khổ đau. Khi nhắm mắt lìa đời, những ai gắng bó với cái “Tôi” đó sẽ mong muốn sự tiếp tục tồn tại của cái “Tôi” đó, chính sự mong muốn này đưa đẩy họ tiếp tục tái sinh trong vòng khổ đau liên miên vô tận. Do đó phải xoá bỏ cái ý nghĩ rất riêng biệt và hết sức cá nhân của cái gọi là “Tôi” để nhường chỗ cho “*cái Tôi tối ư siêu đẳng*”, cái tôi mà không là tôi, cái tôi “*vô ngã*”, đó mới chính là “*chân ngã*”.

**Tịnh** : Niềm vui ở đời không thật vì chỉ có giá trị tạm bợ trong một đời thôi. Tu học là để đạt đến niềm vui tuyệt đối. Thế giới ta đang sống bị ô nhiễm bởi những phiền não trong tâm. Bằng cái tâm ô trược thì không làm sao nhìn thấy được sự thanh tịnh của đất Phật. Phải gột rửa tất cả các phiền não này thì đạt được Tịnh.



*Tượng Phật nằm ở Tháp Trà Tỳ*

### **Tháp Trà Tỳ: nơi hỏa táng đức Phật.**

Bảy ngày sau khi Phật nhập niết bàn, thân Phật được hỏa táng trên giàn củi trầm (santalier blanc). Công việc trà tỳ Phật đã căn dặn trước là để cho các cư sĩ tại gia lo, đó là các cư sĩ của bộ tộc Mạt La (Malla). Nhưng đến khi châm lửa thì không sao châm lửa được, nên phải chờ ngài Ma Ha Ca Diếp. Ma Ha Ca Diếp đã tức tốc trở về, và lúc đó chân của đức Thế Tôn đã tự nhiên đưa ra ngoài giàn củi để cho ngài Ma Ha Ca Diếp đánh lễ và sau đó giàn củi đã tự nhiên phát lửa (*kinh Đại Bát Niết Bàn nam truyền và bắc truyền, kinh Trường A Hàm*). Sau khi hỏa thiêu, tro của Phật đã được chia ra cho 8 nước trong 16 nước của Ấn Độ thời bấy giờ.



*Tượng Đức Phật nằm ở Tháp Trà Tỳ  
(Hình này trích từ Internet)*

**30/12/2010** : Sáng sớm rời Patna, trên đường về New Delhi, viếng đền **Taj Mahal** bên sông Yamuna ở Agra. Đền này được xếp hàng thế giới kỳ quan thứ 7. Đây là nhà mồ do vua Shah Jahan, của xứ Mughal, xây cho vợ là hoàng hậu Mumtaz Mahal. Công trình xây cất mất 22 năm mới xong (khởi công năm 1631), toàn bằng đá cẩm thạch trắng, đá tảng. Hoàng hậu Mumtaz Mahal đã trút hơi thở cuối cùng sau khi sinh hạ đứa con thứ 14. Vua Shah Jahan quá thương vợ nên muốn xây một nhà mồ cho vợ mà muôn đời ai ai cũng phải nhắc đến, để bất tử hóa mối tình của ông ta dành cho vợ.

Chiều : “*Shopping*”. Rời Agra đi New Delhi, nghỉ đêm tại New Delhi, ở khách sạn Country Inn

**31/12/2010**: Sáng, viếng viện Bảo Tàng quốc gia Ấn Độ ở New Delhi, đánh lễ xá lợi của Phật được trưng bày ở đây. Xá lợi này được tìm thấy do một nhà khảo cổ người Pháp vào năm 1918 tại Uttar Pradesh. Đây là Xá Lợi thuộc thành Ca Tỳ La Vệ. Xá Lợi khi được tìm thấy (khai quật) được đựng trong bình đá, có ba ngăn, có khắc những dòng chữ như trong các tài liệu ghi chép của thời vua A Dục. Xá lợi của Phật được trưng bày ở đây trong một ngôi tháp nhỏ bằng vàng khối do vua Thái tặng cho Viện Bảo tàng.

Chiều : “*Shopping*”.

Tối 31/12/2010: Chấm dứt cuộc hành hương. Rời khách sạn. Các nhóm từ Việt-Nam và Úc Châu, thì đi trước chúng tôi vài tiếng đồng hồ lúc 7 giờ tối. Còn chúng tôi, các nhóm đến từ Âu Châu đều cùng lấy máy bay về Amsterdam, lúc 11 giờ đêm, để rồi từ đó đường ai nấy đi !

Chúng tôi chia tay nhau trong phi trường Amsterdam, trong một bầu không khí đầy quyến luyến sau hơn 15 ngày sống bên nhau. Mọi người trao đổi cho nhau nào số điện thoại, nào địa chỉ bưu điện, nào địa chỉ e-mail để còn mong giữ được mối liên lạc với nhau. Chúng tôi cũng chúc mừng năm mới cho nhau, vì hôm đó là ngày 01 tháng Giêng tây lịch.

Có một điều làm cho tôi cảm thấy hết sức xót xa trong lòng trong chuyến đi hành hương này. Bên cạnh những cảnh lầm than, nghèo đói của dân chúng tại các vùng này, cũng như ở Việt-Nam ta mỗi lần tôi nghĩ đến, tại sao các chùa Việt-Nam ở đây lại xây cất lộng lẫy, xa hoa đến như thế ! Tôi tự hỏi “*Đức Phật nghĩ như thế nào ?*” Với bao nhiêu tiền của hoang phí xa xỉ đó, có thể làm được những công cuộc từ thiện quy mô, và có quy hoạch về lâu về dài. Đáng buồn thay !

Tôi về đến nhà (Périgueux, Pháp) lúc 3 giờ chiều ngày thứ bảy 01/01/2011. Sau khi thắp nhang trên bàn Phật để cảm tạ chư Phật đã cho phép tôi đi hành hương bình an vô sự, tôi liền mở máy ordinateur để “trình diện” với bà bác sĩ bạn của tôi, cho bà ta biết rằng tôi đã đi về bình an. Bà ta trả lời ngay “*Rất mừng được biết bạn đi về bình an. Phải có một đức tin mãnh liệt mới có thể đi như vậy, tôi hết sức khâm phục bạn.*” Bỗng nhiên tôi cảm thấy nhói trong tim. Có thật là tôi có một đức tin “*mãnh liệt*” không? Không, đây chỉ là một quyết định câu thả, thiếu suy nghĩ của riêng tôi mà thôi !!! “*Lạy Phật, con xin chỉ thành sám hối !*” Tôi tha thiết cầu nguyện thầm trong tâm tôi.

Trong suốt cả tuần liền, âm điệu của một bài hát rất đơn sơ và rất dễ thương, cứ vang vang trong đầu và trong tai tôi:

*“Ai nói gì thì ta cứ nghe... Ta ngồi ta thở thật sâu... Đau buồn chuyển hóa thật mau... Tang tình tang tính tình tang ...”*

Đó là bài hát mà quý Thầy hay xướng lên và chúng tôi đã hát theo, trên các đoạn đường dài trên xe ca.

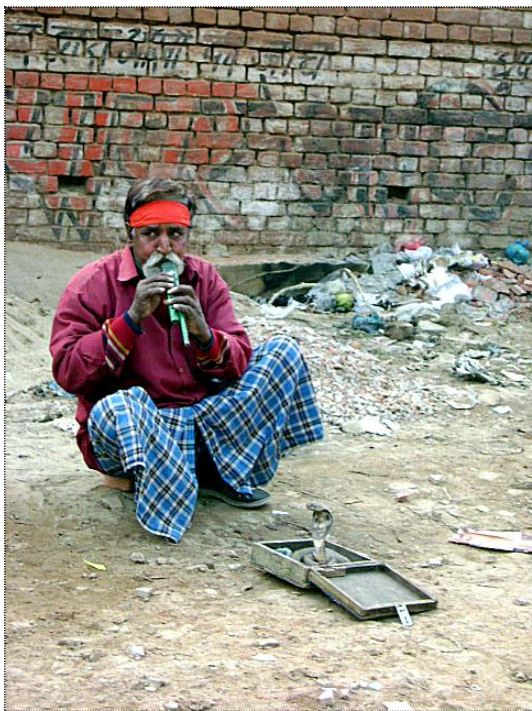
Trên đây tôi đã ghi lại hết sức trung thực những gì tôi đã ghi nhận được và một vài cảm nghĩ của riêng tôi.

Tôi xin thân mến gửi đến các bạn đã cùng đi hành hương trong chuyến này với tôi, và xin cầu chúc các bạn cùng gia đình được thân tâm an lạc, với mỗi ngày một niềm vui trong năm Tân Mão sắp tới và tôi mong có ngày chúng ta sẽ còn được gặp lại nhau.

*“Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”* mà, phải không các bạn ?

**Trần Khanh-Tương**  
**Périgueux, 28/01/2011**





*Một ông “charmeur de serpents”*



*Một lối “trang trí” rất đặc biệt ?*



*Một túp lều*





*Một đoàn lạc đà*



*Một con voi đi sau xe ca của chúng tôi*

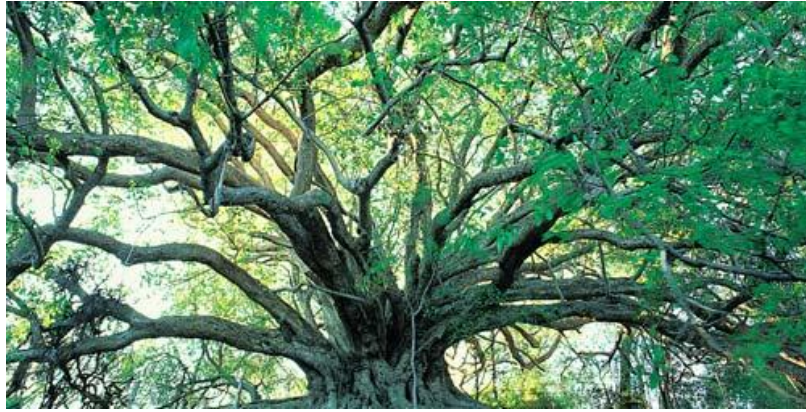


*Đền Taj Mahal*



*Một chi tiết của đền Taj Mahal*





*Một cây bồ đề (Ficus religiosa)*

Cây bồ đề là một loại cây lớn, có thể cao đến 30m, thân cây có thể có đường kính 3m. Từ trên các cành cây, các rễ phụ thông xuống, khi đến đất các rễ này dần dần tăng trưởng và trở thành những thân cây mới bao chung quanh thân cây chính. Lá bồ đề có dáng trái tim, có đầu nhọn thon và dài. Vì có liên hệ với tôn giáo và tín ngưỡng, lá bồ đề đã trở thành một mẫu trang trí, hoa văn và được xem như một vật đem lại sự may mắn, và niềm vui. Khách hành hương ai cũng thích đem về vài ngọn lá bồ đề. Trái bồ đề tròn nhỏ khoảng 1cm – 1,5 cm, khi chín thì chuyển sang màu tím đậm.



*Lá bồ đề*



*Bản đồ Ấn Độ*

\* \* \*

<https://quangduc.com/a74694/toi-hanh-huong-dat-phat>